

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân L, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1986; Nơi cư trú: Ấp LP, xã LK, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Quang K, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp LTA, xã LK, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 07 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 8 năm 2025 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân L trình bày: Chị và anh Trần Quang K cưới nhau vào năm 2007, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKA (nay là xã LK), tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do quen biết trước, sau khi cưới chị và anh K sống cùng gia đình anh K, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi cờ bạc, tài sản trong nhà không còn gì. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh K không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quang K. Về nuôi con chung: Chị và anh K chung sống có hai con chung, đều là con gái tên Trần Thị Ngọc L1, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2007, hiện con chung Ngọc L1 sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh K cấp dưỡng, còn con chung Ngọc H thì sống cùng anh K, chị thống nhất giao cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con chung Ngọc H. Khi con chung Ngọc H sống cùng anh K, chị cũng thường xuyên đến thăm nom, do con chung Ngọc H từ nhỏ tới lớn sống cùng ông bà nội và vợ chồng, khi chị đi làm Ngọc H do bà nội chăm sóc, rất yêu thương nên không chịu theo chị, còn con chung Ngọc L1 thì từ khi sinh ra cho đến nay đều do một mình chị chăm sóc. Hiện anh K đang làm thợ hồ, không rõ thu nhập mỗi tháng bao nhiêu tiền, chị đang ở nhà, phụ tiếp cha mẹ làm chuyện lật vật, ai thuê gì làm nấy. Về tài sản chung: Chị và anh K chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh K chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải.

Đối với anh Trần Quang K đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 08 tháng 8 năm 2025, cháu Trần Thị Ngọc L1 trình bày: Muốn sống với mẹ.

Tại bản khai ngày 08 tháng 8 năm 2025, cháu Trần Thị Ngọc H trình bày: Xin được ở với ba.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Xuân L được ly hôn với anh Trần Quang K; Về con chung: Giao con chung Trần Thị Ngọc L1, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 cho chị L nuôi dưỡng và giao con chung Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2007 cho anh K nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị L và anh K không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Quang K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Xuân L và anh Trần Quang K là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân L đối với anh Trần Quang K, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị L thì cuộc sống của chị và anh K không còn hạnh phúc từ năm 2019 do phát sinh mâu thuẫn về bất đồng quan điểm sống, anh K không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi cờ bạc, tài sản trong nhà không còn gì, chị và anh K không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị L và anh K hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Xuân L ly hôn với anh Trần Quang K.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Xuân L yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Ngọc L1, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017 và đồng ý giao con chung Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2007 cho anh K nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Ngọc L1 từ khi sinh ra cho đến nay đều do chị L chăm sóc nuôi dưỡng và cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu Ngọc H do anh K trực tiếp chăm sóc và có nguyện vọng sống với ba, vì vậy để ổn định cuộc sống của hai cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc L1 và anh K tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu và anh K không có văn bản trình bày ý kiến của mình, nếu anh K có yêu cầu thì anh K có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân L cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Trần Quang K không có văn bản trình bày ý kiến của mình, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Xuân L. Cho chị Nguyễn Thị Xuân L được ly hôn với anh Trần Quang K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Nguyễn Thị Xuân L được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Ngọc L1, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2017.

2.2. Anh Trần Quang K được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2007.

2.3. Chị Nguyễn Thị Xuân L và anh Trần Quang K không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Xuân L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000308 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị L không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Dồng Tháp;
- UBND xã LK, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng